

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 102/2022/DS-PT

Ngày: 08 -9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng; ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị H - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLPT- DS ngày 17/5/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2022/QĐ-PT ngày 11/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐ-PT ngày 26/8/2022 giữa:

1, Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Xóm C, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B: Ông Nguyễn Đức T- Công ty Luật TNHH Quang Minh THL- Thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2, Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1982 và chị Đoàn Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày: Giữa bà và vợ chồng anh Tạ Văn H và chị Đoàn Thị T có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh H, chị T có hỏi vay tiền của bà để kinh doanh dịch vụ vận tải và làm nhà ở. Ngày 02/03/2020, bà đã cho vợ chồng anh H, chị T vay số tiền là 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Lãi suất vay do hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng tương ứng với khoản lãi hàng tháng là 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là ngày 02/5/2020 sẽ trả cả gốc và lãi.

Đến ngày 02/5/2020 vợ chồng anh H chị T không trả được nên đề nghị với bà xin gia hạn và viết lại Giấy vay nợ với số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng hẹn đến

tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2020 sẽ trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi. Khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng anh H, chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà như đã cam kết. Do đó, đến ngày 18/12/2020, bà đến gặp vợ chồng anh H, chị T và yêu cầu vợ chồng anh H chị T viết lại giấy vay nợ với nội dung vợ chồng anh H, chị T vay của bà số tiền 1.470.000.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Cụ thể là: 1.200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 9 tháng tiền lãi x 30.000.000đ/tháng = 270.000.000 đồng bằng tổng số tiền là: 1.470.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay hai bên thỏa thuận với nhau là gia hạn thêm 1,5 tháng kể từ ngày 18/12/2020 đến ngày 01/02/2021 thì vợ chồng anh H, chị T sẽ pH thanh toán cho bà cả tiền gốc và tiền lãi với lãi suất vẫn là 2,5%/ tháng.

Do vợ chồng anh H không trả nợ cho bà theo đúng hẹn nên ngày 02/3/2021, bà và anh H lại chốt số tiền nợ bằng Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, xác định số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 03/5/2020 đến ngày 03/8/2021. Mức lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Đến ngày 03/8/2021 và cho đến nay bà đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng anh H không trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Tạ Văn H và chị Đoàn Thị T pH trả cho bà số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 03/5/2020 đến khi xét xử sơ thẩm (Ngày 24/3/2022) là 22 tháng 22 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu trả tiền lãi của 22 tháng. Giữa bà và vợ chồng anh H, chị T thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 2,5%/tháng. Đối chiếu với quy định của pháp luật bà thấy mức lãi suất 2,5%/tháng (30%/năm) là cao nên bà chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị T pH trả tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng trên số tiền nợ gốc chưa trả (1.200.000.000 đồng) là 264.000.000 đồng. Tổng số tiền bà yêu cầu anh H và chị T trả là 1.464.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 264.000.000 đồng). Vì bà là người cao tuổi nên bà yêu cầu được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

* Bị đơn là anh Tạ Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày: Anh xác định có vay tiền của bà B, vay làm nhiều lần, số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Tháng 02/2020, anh trả cho bà B được số tiền 300.000.000 đồng, anh còn nợ bà B số tiền 1.200.000.000 đồng. Nhiều lần bà B đến nhà anh nhưng anh đã khất với bà B đến cuối năm 2020 thì trả. Bà B có đến nhà anh và đưa cho vợ chồng anh một bản hợp đồng cho vay cá nhân với tổng số tiền được ghi trong hợp đồng là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 03/5/2020 đến ngày 03/8/2021, với lãi suất 2,5%/tháng. Từ đó đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh anh không đi làm được nên anh không có khả năng thanh toán cho bà B.

Anh xác định đây là công nợ riêng của cá nhân anh. Nay bà B khởi kiện vợ chồng anh pH trả cho bà B số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và số tiền lãi pH trả 1%/tháng (12%/năm) trên số tiền nợ gốc chưa trả thì hiện tại anh chưa đồng ý trả gốc và lãi, đề anh về hỏi lại vợ của anh.

* Qua làm việc với ông Lê Thanh Sự là chồng của bà B, ông Sự cho biết: Việc bà Nguyễn Thị B cho vợ chồng anh H, chị T vay tiền như nào thì ông không rõ. Ông xác định đây là tài sản riêng của bà B, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, do vậy ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định:

1. Buộc Anh Tạ Văn H và chị Đoàn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền là 1.464.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 264.000.000 đồng).

2. Về án phí: Anh Tạ Văn H và chị Đoàn Thị T phải chịu 55.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2022 chị T kháng cáo xin trả dần 1.200.000.000 đồng nợ gốc, không nhất trí trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Đoàn Thị T trình bày: Hiện thu nhập của chị và anh và anh H rất thấp, không có đủ điều kiện để trả ngay 1.200.000.000 đồng nợ gốc và không có khả năng trả lãi. Do vậy chị xin trả dần nợ gốc và xin không phải trả lãi.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà không nhất trí với yêu cầu của chị T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà B trình bày: Bà B yêu cầu anh H, chị T trả lãi 1%/ tháng là thấp so với thỏa thuận khi vay. Lý do chị T xin trả dần và không đồng ý trả lãi là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn chị Đoàn Thị T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Anh Tạ Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung vụ án: Ngày 02/03/2020, bà B cho vợ chồng anh H, chị T vay số tiền là 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Lãi suất vay do hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng tương ứng với khoản lãi hàng tháng là 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là ngày 02/5/2020 sẽ trả cả gốc và lãi. Đến ngày 02/5/2020 vợ chồng anh H chị T không trả được nên viết lại Giấy vay nợ với số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng hẹn đến tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2020 sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi. Khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng anh H, chị T không trả được. Do đó, đến ngày 18/12/2020, vợ chồng

anh H, chị T viết lại giấy vay nợ với nội dung vợ chồng anh H, chị T vay của bà B số tiền 1.470.000.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Cụ thể là: 1.200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 9 tháng tiền lãi x 30.000.000đ/tháng = 270.000.000 đồng bằng tổng số tiền là: 1.470.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 18/12/2020.

Do vậy án sơ thẩm buộc anh H chị T pH trả cho bà B tổng số tiền là 1.464.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 264.000.000 đồng) là có căn cứ theo luật. Chị T kháng cáo xin trả dần nợ gốc và không chấp nhận trả lãi là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận

[3] Án phí: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T pH chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Buộc anh Tạ Văn H và chị Đoàn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền là 1.464.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 264.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (25/4/2022) của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ pH thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị T pH chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007989 ngày 29/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Bảo